

Số:55 /2014/QĐ-UBND

Long An, ngày 11 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành tỷ lệ phần trăm (%)
để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Long An về việc bổ sung danh sách các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3650/TTr-STC ngày 07/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh Long An như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất (áp dụng cho cả hai hình thức đấu giá và không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất thuê)

STT	Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất 1 năm	Đối tượng được áp dụng
a	0,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc quyết định	- Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư; địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành. - Dự án đầu tư trên địa bàn các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Long An theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh - Thị xã Kiến Tường (điều chỉnh địa giới huyện Mộc Hóa để thành lập thị xã Kiến Tường và huyện Mộc Hóa còn lại theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ).

STT	Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất 1 năm	Đối tượng được áp dụng
b	2,0% giá đất theo mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc quyết định	Dự án đầu tư không thuộc điểm a nhưng đầu tư trên địa bàn các phường của thành phố Tân An và các thị trấn của các huyện.
c	1% giá đất theo mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc quyết định	Dự án đầu tư không thuộc điểm a, điểm b.

2. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định Luật Đất đai thì đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm được tính bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng với công trình ngầm. Đơn giá này cũng được áp dụng đối với phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

3. Xác định đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai

a) Đối với phần diện tích đất không có mặt nước, xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

4. Việc xác định đơn giá thuê đất được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Điều 3, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

5. Các trường hợp phát sinh kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; hướng dẫn tại Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính và Quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất và khung giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất và khung giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NC-KT;
- Lưu VT, STC.CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên